

Kinh Thư chia ra làm: *Ngu-thư*, *Hạ-thư*, *Thượng-thư*, *Chu-thư*, cả thấy từ thiên *Nghiêu-diên* đến thiên *Tần-hệ* là 59 thiên.

Xem kinh Thư thì biết cái tính chất-phác và lối văn chương của người đời cổ. Những sự hành-vi và những tư tưởng chép trong sách ấy đều lấy hai chữ *chấp-trung* 執中 làm cốt.

Kinh Thi. Kinh Thi là bộ sách chép những bài ca, bài dao, từ đời thượng-cổ đến đời vua Bình-vương nhà Chu. Ca là bài hát có điệu có vần, dùng vào lúc tế-tự, hay vào khi có việc hỉ việc hiếu. Dao là lời hát truyền khẩu của dân-gian ở thôn-dã. Xem kinh Thi thì biết những tính-tình, phong-tục và chính-trị các đời và các nước Chư-hầu ở nước Tàu. Như là *Mân-phong* thì nói cái tục cần-kiệm của người nước Mân. *Vệ-phong* thì nói cái tục dâm-mỹ của người nước Vệ. *Tần-phong* thì nói cái sự hối-quá của người nước Tần. Hoặc như *Đại-nhã*, *Tiểu-nhã* thì nói việc chính-trị thịnh-suy đời nhà Chu.

Học kinh Thi có thể di - dưỡng tinh-tinh và mở rộng tri-thức của người ta, cho nên Khổng-tử nói: « *Thi khả dĩ hưng, khả dĩ quan, khả dĩ quần, khả dĩ oán. Nhĩ chi sự phụ, viễn chi sự quán, đa thức ư điều thủ thảo* 詩可以興, 可以觀, 可以羣, 可以怨. 迺之事父, 遠之事君, 多識於鳥獸草木之名: đọc kinh Thi thì khả dĩ cảm-phát chí-ý, khả dĩ xem-xét điều hay điều dở, khả dĩ hòa-hợp mà không lưu-dãng, khả dĩ bày-tỏ cái sầu oán mà không giận. Gần trong nhà thì biết cách thờ cha, xa ra ngoài thì biết cách thờ vua, biết nhiều những tên các giống chim-muông cây-cỏ. » (*Luận-ngữ: Dương-Hóa, XVIII*). Kinh Thi có nhiều ý-tử, nhưng khi xem sách ấy phải giữ cái tâm của mình cho chính, thì sự học mới có lợi. Khổng-tử nói: *Thi tam bách nhất ngôn dĩ蔽之, 曰: 思無邪*: ba trăm bài trong 詩三百一言以蔽之, 曰: 思無邪: ba trăm bài trong

kinh Thi, lấy một lời mà nói trùm cả là: không nghĩ bậy ». (*Luận-ngữ: Vi-chính, II*).

Kinh Lễ. Kinh Lễ là bộ sách chép những lễ-nghi để hâm-dưỡng những tình-cảm tốt để giữ trật-tự cho phân-minh và để tiết-chế các tình-dục. Phàm những tình-cảm của người ta mà không có cái gì để bồi-dưỡng luôn, thì dần dần nó biến-đổi hay có thể hóa dở được. Dùng lễ là có ý để gây nuôi lấy những tình-cảm tốt. Người ta ở trong xã-hội có những việc quan-hệ đến phong-tục, đến tông-giáo, nếu không có phép-tắc rõ-ràng, thì việc tế-tự, việc hiếu, việc hỉ, cách ăn-uống ở làng, ở nước thành ra hỗn-đồ hỗn-độn, việc thù-tiếp, cách đối-dãi, thành ra khó xử. Dùng lễ để phân-biệt tôn-ti, thân-sơ, và để giải-quyết những sự hiềm-nghĩ. Người ở đời ai cũng có lòng tự-dục, nếu không có qui-cử để phòng-giữ trước, thì thường nó hay khiến người ta làm những điều bất nhân phi nghĩa. Dùng lễ là để tài-chế sự hành-vi cho hợp lễ phải. Lễ quan-trọng như thế, cho nên Nho-giáo rất chuộng lễ, cho là: « *Phàm nhân chi sở dĩ vi nhân giả, lễ-nghĩa giả* 凡人之所以為人者, 禮義也: phàm người mà thật có cái phẩm-giá con người là có lễ-nghĩa vậy. »

Học lễ thì cần phải hiểu chữ: « *Vô bất kinh* 無不敬: không có điều gì là không kính. » Đối với mình cũng như đối với người, bao giờ cũng phải lấy sự kính làm chủ. Không có kính thì bao nhiêu lễ thành ra hư-văn vô ích.

Kinh Lễ hiện nay có 25 quyển, chia ra làm 49 thiên, phần nhiều là văn của Hán-nho phụ-họa vào, chứ chính-văn đời Xuân-thu thì không còn được mấy.

Trong kinh Lễ có thiên *Lễ-vận*, Hán-nho cho là Tử-Du hoặc là môn-đệ của Tử-Du làm ra. Ở đầu thiên ấy nói cái nghĩa đại-dồng và tiểu-khang như sau này:

« Ngày xưa đức Trọng-Ni được dự lễ tế chạp. Tế xong Ngài ra đứng chơi ở trên cửa đền, ngâm-ngùi mà thở dài. Ngài thở dài là thở dài về việc vua nước Lỗ cũng-tế không

đủ lễ. Ngôn-Yên (Tử-Du) đứng bên cạnh hỏi: Phu-tử thờ dài về việc gì? — Khổng-tử nói: Thực-hành cái đại đạo, cùng những kẻ anh-tuấn đời Tam-đại, thì Khâu này không kịp, nhưng vẫn có chí làm những việc như thế.

« Thực-hành cái đại đạo, thì thiên-hạ là chung cả, kén-chọn kẻ hiền kẻ năng, giảng điều tín, sửa điều hòa-thuận. Cho nên người ta không riêng thân cha mẹ mình, không riêng yêu con mình, khiến kẻ già có chỗ nuôi-nấng trọn đời, kẻ trẻ-mạnh có chỗ dùng, đứa trẻ tuổi có chỗ trưởng-thành, thương kẻ góa chồng, đứa con không có cha mẹ và người già không có con-cái, người tàn-tật có chỗ nuôi, con trai có chức-phận, con gái có chồng-con tử-tế, của-cải không bỏ phí ở đất, mà bắt tất phải tàng-tích ở mình, sức-lực phải ở thân mình ra, mà bắt tất phải lấy làm riêng của mình. Ấy cho nên cơ-muru phải bế-tắc, kò trộm-cấp, người làm loạn, làm giặc, không nổi lên, vậy bên ngoài cửa không đóng. Ấy thế là đời đại-đồng 大同.

« Nay đại đạo đã bỏ, lấy thiên-hạ làm của riêng nhà mình, ai nấy đều riêng thân cha mẹ mình, đều riêng yêu con mình, của-cải và sức-lực làm riêng của mình, vua quan thì lấy việc cha truyền con nối làm lễ, lấy thành-quách hào-tri làm kiên-cố, lấy lễ-nghĩa làm kỷ-cương, chính cái nghĩa vua tôi, hậu cái tình cha con, thuận cái tình anh em, hòa cái đạo vợ chồng, đặt chế-độ, lập điển-lý, tôn-trọng kẻ tri-dũng, lập công khởi sự riêng cho mình. Cho nên sự dùng mưu-chước mới sinh ra mà việc chiến-tranh bởi đó khởi lên vậy. Vua Vũ, vua Thang, vua Văn, vua Võ, Thành-vương, Chu-công bởi đó mà được chọn là bậc hơn cả. Sáu bậc quân-tử ấy chưa từng không cần-thận ở lễ. Lễ là để làm cho rõ cái nghĩa, thành điều tín, rõ người có lỗi, lấy nhân làm phép, giảng điều tổn-nhượng, bảo dân theo phép thường. Nhưng có ai không theo những điều ấy, thì dầu có thế-vị, chúng nhân cho là họa ác, bắt tội mà truất-bỏ đi. Ấy thế là đời tiểu-khang 小康. »

Hậu-nho cho đoạn nói về đời tiểu-khang có nhiều chỗ chệch sai, văn-lý không thông và muốn sửa lại, đem câu « cho nên sự dùng mưu-chước mới sinh ra, mà việc chiến-tranh bởi đó khởi lên vậy » lên trên câu « vua quan thì lấy việc cha truyền con nối làm lễ », về dưới câu « của-cải và sức-lực làm riêng của mình ». Lại so với sách Khổng-tử gia-ngữ, thì có nhiều chỗ khác hẳn. Đại-đề theo lời các nhà bàn về sách Khổng-tử gia-ngữ, thì đoạn ấy như thế này « ... của-cải và sức-lực làm riêng của mình, cho nên sự dùng mưu-chước mới sinh ra mà việc chiến-tranh bởi đó khởi lên vậy. Vua quan thì lấy việc cha truyền con nối làm lễ, lấy thành-quách hào-tri làm kiên-cố. Vua Vũ, vua Thang, vua Văn, vua Võ, Thành-vương, Chu-công bởi đó mà được chọn là bậc hơn cả. Sáu bậc quân-tử ấy chưa từng không cần-thận ở lễ vậy. Lễ hưng-khởi lên là ngang với trời đất. Nếu ai không theo lễ mà ở ngôi, thì người ta cho là họa ác ». Sửa lại như thế thì dùng với văn trong sách Khổng-tử gia-ngữ, văn-lý thông hơn và ý-nghĩa sáng rõ lắm, nhưng lại không có hai chữ tiểu-khang đối với hai chữ đại-đồng ở đoạn trên.

Vả chẳng Khổng-tử đâu có nói những điều ấy, thì cũng chỉ cốt nói sự phải dùng lễ mà thôi, chứ không có ý phân ra đại-đồng và tiểu-khang để trọng Ngũ-đế mà khinh Tam-vương. Điều ấy rất rõ ở đoạn đầu. Ngài cho lễ là phải tùy thời mà biến-đổi, mỗi đời phải dùng một khác, để cho hợp với lễ biến-hóa của trời đất. Chư nho hiểu rõ nghĩa ấy, cho nên mới nói rằng đoạn ấy là của những người đời sau nhảm cái học của Lão Trang cho là cái đạo mất mới nói nhân-nghĩa v.v. rồi bịa-đặt ra, hoặc sửa-đổi lại như thế, chứ không phải là lời của Khổng-tử.

Cận kim, bọn nho-giả là Khang Hữu-Vi và Lương Khải-Niên công-nhận đại-đồng là cái học vi ngôn và tiểu-khang là cái học đại nghĩa của Khổng-tử. Song xét ra thì có lẽ bọn Khang, Lương bị ảnh-hưởng của tân-trào, mới đem

những ý ấy mà nói cái chính-thể cộng-hòa và quân-chủ. Kỳ thực không đúng tông-chỉ của Khổng-học. Tông-chỉ ấy cho là mỗi thời nhân trí biến thiên đi một khác, thì việc trị cũng phải tùy thời mà thay-đổi, miễn là giữ được lễ-nghĩa làm gốc để cho hợp đạo trung. Vậy thì cái thuyết đại-dồng và tiểu-khang của Khang, Larong tưởng không đúng với tinh-thần Khổng-giáo. Bởi thế cho nên khi xét cái chính-trị của Khổng-tử, sách này không nói đến thuyết ấy.

Kinh Xuân-thu. Kinh Xuân-thu là bộ sách của Khổng-tử làm ra. Ngài theo lối văn làm sử mà chép truyện nước Lỗ, kể từ Lỗ Ẩn-công đến Lỗ Ai-công. Trong sách ấy chép cả việc nhà Chu và việc các nước Chư-hầu.

Xem hình-thể bề ngoài thì là một bộ sử biên-niên, lời-lẽ văn-tắt, lắm chỗ hình như không có ý nghĩa gì cả, nhưng xét rõ đến tinh-thần, thì thật là bộ sách triết-lý về việc chính-trị. Mạnh-tử là người đã hiểu rõ nghĩa của Xuân-thu, nói: « *Thi vong nhiên hậu Xuân-thu tác. Kỳ sự tác Tề-Hoàn, Tấn-Văn, kỳ văn tác sử. Khổng-tử viết: Kỳ nghĩa tác Khâu thiết thủ chi hỹ* 詩亡然後春秋作. 其事則齊桓, 晉文, 其文則史. 孔子曰: 其義則丘竊取之矣 » kinh Thi hết, nhiên hậu kinh Xuân-thu mới làm ra. Việc ở trong sách Xuân-thu là việc Hoàn-công nước Tề, Văn-công nước Tấn, văn trong sách ấy là văn sử. Nghĩa thì Khổng-tử nói rằng: Khâu này trộm lấy đó vậy » (*Mạnh-tử: Ly-Lâu hạ*). Nghĩa là Ngài lấy truyện ở trong các sách nước Tấn, nước Sở, nước Lỗ mà biểu-thị cái ý nghĩa của Ngài muốn bày-tỏ ra. Thời Xuân-thu bấy giờ xã-hội Tàu loạn-lạc, vua các nước Chư-hầu làm nhiều điều bạo-ngược và ai cũng muốn lấn quyền của thiên-tử nhà Chu. Ngài không muốn để sự phê-bình phán-đoán của Ngài động-chạm đến những người quyền-thế đương thời, vả lại cái học sâu-xa của Ngài thường là cái học tâm-truyền, cho nên Ngài mượn lối văn làm sử, nói việc đã qua, để ngụ cái ý của Ngài.

Sách *Trang-tử* cũng nói ở thiên *Thiên-hạ* rằng: « *Xuân-thu dĩ đạo danh phận* 春秋以道名分: sách Xuân-thu là để nói danh và phận ». Vậy cứ theo những ý-kiến của những nhà đại hiền-triết đời Chiến-quốc, thì sách Xuân-thu thật là sách để tâm-truyền cái đại-nghĩa danh và phận về đường luân-lý và chính-trị, chứ không phải là sách chép sử như người thường vẫn hiểu lầm.

Sách Xuân-thu có ba chủ-nghĩa là: *Chính danh-tự, định danh-phận, ngụ bao-biếm*. Chủ ý của Khổng-tử là tôn vua nhà Chu. Đầu đời bấy giờ các nước Chư-hầu có nhiều người không biết đến vua nhà Chu nữa, nhưng Ngài chép ngay đầu sách là: « *Xuân vương chính nguyệt* 春王正月: mùa xuân tháng giêng vua nhà Chu » (2) để tỏ cái ý vẫn nhận nhà Chu làm chủ cả thiên-hạ. Lẽ nước Tàu lấy lịch-số làm quan-trọng, cho là biểu-hiệu sự chịu mệnh trời của nhà làm vua, cho nên về sau cứ hằng năm nhà vua ban lịch ra, để tỏ cái quyền chính-thống thuộc về mình.

Xem kinh Xuân-thu thì phải biết ý-nghĩa và vị-trí từng chữ. Mỗi chữ là để định rõ người tà người chính, như Thiên-tử chết thì chép chữ *băng* 崩, vua Chư-hầu chết thì chép chữ *hoăng* 薨, ông vua đã cướp ngôi, làm sự tiếm-thiết mà chết, thì chép chữ *tồ* 殂, người làm quan ngay-chính chết, thì chép chữ *tốt* 卒, người làm quan gian-nịnh chết, thì chép chữ *tử* 死.

Người nào có danh-phận chính-đáng thì chép rõ chức-phẩm và tên tự; người nào mà danh-phận không chính-đáng, thì dầu có chức-phẩm gì, cũng chỉ chép có một tên tục mà thôi.

(2) Nguyên lịch bên Tàu đời trước vẫn không nhất-định. Nhà Hạ lấy tháng dần là tháng giêng làm đầu năm, nhà Thương lấy tháng sáu là tháng chạp làm đầu năm, nhà Chu lấy tháng tí là tháng mười một làm đầu năm, nhà Tấn lấy tháng hợp là tháng mười làm đầu năm. Đến đời vua Vũ-đế nhà Hán mới theo lịch nhà Hạ lấy tháng dần làm đầu năm. Từ đó đến nay vẫn theo lịch nhà Hạ.

Sự khen-chê của Ngải cốt ở những chữ Ngải dùng. Có khi chỉ vì có một chữ chê mà thành ra tiếng xấu muôn đời, một chữ khen mà được tiếng thơm thiên cổ. Bởi thế người đời sau bàn kinh Xuân-thu, nói rằng: « *Nhất tự chi bao, vinh ư hoa cồn, nhất tự chi biếm, nhục ư phủ việt* — 褒於華褒, 一字之貶, 辱於斧鉞: một chữ khen, thì vinh hơn cái áo cồn-hoa của vua ban cho, một chữ chê thì nhục hơn phải tội riu búa ».

Vì Khổng-tử thấy đời suy, đạo mờ, các tà-thuyết dấy lên, nhưng sự hung-bạo rất nhiều, con giết cha, tòi giết vua, cho nên Ngải lấy làm lo sợ mà làm ra bộ Xuân-thu, đề định cái chính-thể, chủ ở sự chính danh, định phận cho hợp đạo-lý và cho rõ sự thưởng-phạt.

Sách Xuân-thu là sách định chế-độ của quân - chủ, Khổng-tử biết rằng trong một nước không thể không có quyền quân - chủ, song Ngải lại sợ rằng những người giữ quyền quân-chủ thường hay lạm-dùng thế-lực của mình mà làm những điều tàn-bạo. Vậy nên Ngải mới đem cái nghĩa lấy cái *nguyên* 元 của dương-khi mà thống-trị việc Trời, lấy Trời mà thống-trị các vua chúa, và bày-tỏ ra một cách đặc-biệt ở sách Xuân-thu để hạn-chế cái quyền của nhân-quân. Nhưng vì những người làm vua làm chúa đã dễ mấy người hiểu được rõ cái lẽ thâm-viễn siêu-việt ấy, cho nên Ngải mới lấy những điều tai dị như nhật-thực, nguyệt-thực, hay là sao chổi và sự động đất, v. v. là những điều hiển-nhiên ai cũng có thể trông thấy được, để cảnh-giới những bậc nhân-quân. Ngải muốn những bậc ấy phải lấy những điềm lạ ấy làm kính-sợ, mà tự mình tu tỉnh lại và làm những điều nhân - nghĩa. Đó là cái vi ý trong sách Xuân - thu. Khổng-tử còn sợ người ta không hiểu rõ cái ý ấy, cho nên Ngải nói: « *Tri ngã giả kỳ duy Xuân-thu hồ, tội ngã giả kỳ duy Xuân-thu hồ* 知我者其惟春秋乎, 罪我者其惟春秋乎: người biết ta là cũng chỉ ở kinh Xuân - thu,

người trách tội ta là cũng chỉ ở kinh Xuân-thu ». (*Mạnh-tử: Đàng Văn-công hạ*). Biết Ngải là biết cái bụng của Ngải sợ những tà-thuyết, những bạo - hành càng ngày càng nhiều ra, cho nên Ngải bày-tỏ cái phương-pháp chính-trị để đổi loạn ra trị, và để trừng-trị kẻ tàn-bạo, gian-ác. Trách tội Ngải là vì không hiểu cái ý của Ngải mà cho là Ngải tiếm làm việc của Thiên-tử, hoặc là ngờ Ngải dùng những điều tai-dị để làm mê-hoặc người đời. Học-giả nên chú ý mà hiểu cái thâm ý và cái khổ tâm của Ngải trong sách Xuân-thu. Về sau Hán-nho thường không hiểu rõ cái phần uyên-thâm ấy, chú-trọng ở cái thuyết âm-dương, ngũ-hành, gây thành mối mê-tín, thật là sai cái nghĩa trong sách Xuân-thu vậy.

Người thường không biết, lấy con mắt xem sử mà xem, thì không hiểu bộ sách ấy ích-lợi về điều gì. Song người nào biết, lấy cái tinh-thần mà lĩnh-hội cái thâm ý trong sách ấy, thì thấy có nhiều ý-nghĩa rất sâu-xa. Bởi thế cho nên các nhà danh-nho xưa nay vẫn kính-chống bộ sách ấy. Về sau chính-thể quân-chủ của các nước ở Á-đông này đều có hấp-thụ ít nhiều tinh-thần ở trong bộ sách ấy. Những nhà làm sử cũng hay theo lối biên-niên trong kinh Xuân-thu mà chép sử, nghĩa là cứ theo từng năm mà chép các việc.

THIÊN VI

MÔN-ĐỆ KHÔNG-TỬ

Không-tử lấy những lời huấn-cáo, những tư-tưởng và các chế-độ của thánh - hiền đời trước làm tông - chỉ, rồi đem những ý-kiến và những điều sở đắc của Ngài mà dạy-bảo các môn-đệ. Lời Ngài dạy học là lời truyền miệng. Hễ ai học điều gì không hiểu hay là nghĩ việc gì không ra thì đem hỏi Ngài. Ngài sẽ tùy tư - chất từng người mà đưa lời khuyên - bảo cho. Ai nghe Ngài giảng-dụ điều gì thì ghi-nhớ lấy để ngẫm-nghĩ mà sửa mình, hoặc để ứng - dụng ở đời. Lời Ngài dạy như thế cho nên có lắm điều như *nhân, hiếu, chính, v. v....* Ngài nói với mỗi người một khác. Tuy thế, cái chủ-đích sự dạy-dỗ của Ngài bao giờ cũng lấy đạo nhân mà khiến người ta sửa-đổi tâm-tính cho thành người quân-tử hoàn-toàn.

Môn-đệ Ngài thì nhiều, song thường nhật thì có độ năm bảy người hoặc vài ba mươi người theo Ngài học Thi, học Lễ, học Nhạc, hay là học những nghĩa - lý trong sự sinh-hoạt ở đời. Số học-trò kể tất cả trước sau được hơn ba nghìn người, nhưng mà những người có tiếng đạo-đức và tài giỏi, tinh - thông lục - nghệ thì chỉ có bảy-mươi-hai người, hậu thế gọi là «*thất-thập-nhị hiền*». Trong 72 người ấy có người nổi tiếng về đường đức-hạnh, như thầy Nhan Uyên, thầy Mẫn-tử Khiên, thầy Nhiễm Bá-ngưu, thầy Trọng-

cung; có người nổi tiếng về đường ngôn-ngữ, như thầy Tề-Ngã, thầy Tử-Cống; có người nổi tiếng về đường chính-sự, như thầy Nhiễm-Hữu, thầy Qui-lộ; có người nổi tiếng về đường văn-học, như thầy Tử-Du, thầy Tử-Hạ. (*Luận-ngữ* *Tiên-tiến*, XI).

Đại-khải, những người có đạo-dức và có tài-năng mà cáo sách thường nói đến là những người này.

Nhan-Hồi 顏回, tên tự là Uyên 淵, cần-mẫn, thức khuya dậy sớm, học Thi, chuộng Lễ, làm việc gì không làm lỗi hai lần, nói điều gì không cầu-thả. Khổng-tử khen là người có nhân. Nhưng ông chỉ sống được có 31 tuổi thì mất. Khổng-tử lấy làm thương-tiếc lắm.

Mẫn-Tồn 閔損, tên tự là Khiên 騫. Khổng-tử khen là người có hiếu.

Nhiễm-Canh 冉耕, tên tự là Bá-ngưu 伯牛.

Nhiễm-Ung 冉雍, tên tự là Trọng-cung 仲弓, nhà nghèo mà vẫn ung-dung, không hề-lụy điều gì, sai-khiến người khác không như nô-lệ, không giận lâu ai, không oán sâu điều gì. Không nhắc lại lỗi cũ của người ta. Khổng-tử khen là người có khí-tượng ông vua.

Tăng-Sám 曾參, tên tự là Dư 與, học thức thì đầy mà không tràn, chắc chắn mà không rỗng, biết quá rồi mà vẫn cho như là chưa kịp, làm được những điều thánh-hiền cho là khó. Dáng mặt bao giờ cũng cung-kính, đức bao giờ cũng đôn-hậu, nói với ai điều gì cũng tin, tính người rất thật-thà.

Hữu - Nhược 有若, tên tự là Hữu 有, nhớ nhiều và thích đạo cổ.

Tề-Dư 宰予, tên tự là Ngã 我, có khẩu-tài, làm quan đại-phu nước Tề, phải tội bị giết cả ba họ. Khổng-tử lấy làm thẹn vì là học-trò Ngài.

Doan-mộc Tử 端木賜, tên tự là Cống 貢, có tài biện-thuyết, nhà giàu, thích sự buôn-bán, làm quan ở nước Lỗ, nước Vệ, sau mất ở nước Tề.

Nhiễm-Cầu 冉求, tên tự là Hữu 有, cùng họ với Trọng-cung, tính hay khiêm-tốn, hiểu học và biết rộng, làm việc giản-dị mà siêng-năng.

Trọng-Do 仲由, tên tự là Lộ 路, lại có tên là Qui-lộ 季路, có dũng-lực tài-nghệ, giỏi việc trị binh, tính quả-cảm và cương-trực, nhưng không đạt sự biến-thông. Làm quan đại-phu nước Vệ, bị tội phải giết.

Ngôn-Yên 言偃, tên tự là Du 游, chỉ chuyên học Lễ, làm việc cẩn-thận, không hay hư-hỏng, làm quan tể ở Võ-thành.

Bốc-Thương 卜商, tên tự là Hạ 夏, học Thi, hay bàn-luận những điều tinh-vi. Giao với người trên, tiếp người dưới rất là phân-biệt, minh-bạch, tính đốc-tín, cần-thủ, nhưng qui-mô hẹp-hòi.

Chuyên-tôn Sư 顏孫師, tên tự là Trương 張, người đẹp, tài cao, ý rộng, hay làm việc khó-khẩn mà cầu-thả, có công tốt không khoe, ở ngôi sang không mừng, không khinh người hèn, không ngạo với người khổ. Tính ung-dung không hay cầu-nệ, cho nên không tương-đắc với những người đồng môn hay thủ lễ.

Thương-Cồ 商瞿, tên tự là Mộc 木, chuyên học Dịch được truyền cái học ấy của Khổng-tử.

Tất-diêu Khai 漆雕開, tên tự là Nhược 若, học Thư, không thích ra làm quan.

Nguyên-Hiến 原憲, tên tự là Tư 思, thanh-tĩnh thủ tiết, nhà nghèo mà vẫn vui về đạo. Khi Khổng-tử mất rồi, ông đi ẩn ở nước Vệ.

Trong những người ấy có người tài cao đức hậu nhưng vẫn không ai được hoàn-toàn như Khổng-tử. Xem câu chuyện sau này thì biết rõ đức-độ của Ngài hơn người là thế nào.

Một hôm Tử-Hạ hỏi Khổng-tử: «Nhan Hồi là người thế nào? — Khổng-tử nói: Cái tin của Hồi hơn ta — Tử-Cống là người thế nào? — Cái nhanh của Tử hơn

ta — Tử-Lộ là người thế nào? Cái dũng của Do hơn ta, — Tử-Trương là người thế nào? — Cái nét trang-nghiêm của Sư hơn ta. — Tử-Hạ đứng dậy mà hỏi rằng: Thế thì sao bốn gã ấy lại phải đến học thầy? — Khổng-tử nói: Ở đây ta bảo: Ôi! Hồi biết tin mà không biết nghĩ lại. Tử biết nhanh mà không biết có lúc đáng chậm, Do có dũng mà không biết có lúc nên nhát, Sư có nét trang-nghiêm mà không biết ung-dung để hòa đồng với mọi người. Gồm tất cả những cái nét hay của bốn gã ấy có, mà đổi lấy cái của ta không bằng bốn gã, ta không thuận. Vì thế bốn gã phải thờ ta làm thầy, mà không có hai lòng vậy. » (*Khổng-tử gia-ngữ: Lục-bản, XV*).

Khổng-tử bao giờ cũng có cái thái-độ « vô khả vô bất khả » rất hòa-nhã và vẫn tôn-nghiêm, rất khoan-hoảng mà vẫn cương-nghị. Ngài làm việc gì cũng ung-dung và trung-tiết, nghị-luận điều gì cũng công-chính và đặc-kỳ trung, cho nên không ai theo kịp. Đức-độ của Ngài như thế, nên chỉ ai đã biết Ngài là cũng phải kính-phục.

Đạo của Ngài thì có phần rất giản-dị bình-thường, mà vẫn có phần rất quảng-dại cao-viễn, không mấy người lĩnh-hội hết được. Dầu Môn-đệ Ngài có ai muốn nối cái đạo của Ngài, cũng chỉ hiểu được một phần mà thôi.

Bởi thế cho nên sau khi Ngài mất rồi, đạo của Ngài chia ra làm mấy phái, mỗi phái theo một ý-nghĩa khác nhau.

THIÊN VII

CHIẾN-QUỐC THỜI-ĐẠI

(479-220 trước Tây-lịch)

CÁC HỌC-PHÁI CỦA NHO-GIÁO

Đời Xuân-thu tuy các nước Chư-hầu cường-thịnh lên, tranh nhau làm bá ở nước Tàu, nhưng nước nào có thế-lực vẫn tôn-phù nhà Chu và vẫn mượn tiếng thiên-tử mà sai-khiến các nước khác. Đến đời Chiến-quốc thì nước Tàu lại chia ra làm bảy nước là: nước Tần 秦, nước Sở 楚, nước Tề 齊, nước Yên 燕, nước Hàn 韓, nước Triệu 趙, nước Ngụy 魏. Vua những nước ấy đều xưng vương cả và không ai biết đến vua nhà Chu nữa. Sự chiến-tranh trong thời ấy lại càng kịch-liệt hơn trước và sự loạn-ly cũng đến cực điểm vậy. Song cũng bởi thời-cực như thế, cho nên các nhà tư-tưởng mới đem phát-huy ra các học-thuyết để cứu đời, vì thế thuở ấy Nho-giáo, Lão-giáo và Mặc-giáo đều chen vai mà thịnh-hành lên ở nước Tàu.

Nho-giáo thì từ khi Khổng-tử mất rồi, hết ba năm tang-chế, các môn-đệ mỗi người đi một nơi. Người thì đi làm quan, người thì về dạy học, đem cái đạo của Ngài truyền-bà ra thiên-hạ.

Nay ta không biết đích-xác ngay từ lúc đầu Khổng-giáo chia ra làm mấy phái, vì các sách đời ấy không nói rõ. Mãi đến cuối thế-kỷ thứ ba trước Tây-lịch kỷ-nguyên, tức là hơn hai trăm năm sau Khổng-tử, Hàn-Phi mới chép

ở trong thiên Học-hiến sách Hàn-Phi-tử rằng: «Tự Khổng tử chỉ tử già, hữu Tử-Trương chỉ nho, hữu Tử-Tư chỉ nho, hữu Nhan thị chỉ nho, hữu Mạnh-thị chỉ nho, hữu Tất-diệu thị chỉ nho, hữu Trọng-lương thị chỉ nho, hữu Tôn-thị chỉ nho, hữu Nhạc-chính thị chỉ nho 自孔子之死也, 有子張之儒, 有子思之儒, 有顏氏之儒, 有孟氏之儒, 有漆雕氏之儒, 有仲良氏之儒, 有孫氏之儒, 有樂正氏之儒: 10 Khổng-tử mất rồi, có bọn nho-học của Tử-Trương, có bọn nho-học của Tử-Tư, có bọn nho-học của họ Nhan, có bọn nho-học của họ Mạnh, có bọn nho-học của họ Tất-diệu, có bọn nho-học của họ Trọng-Lương, có bọn nho-học của họ Tôn, có bọn nho-học của họ Nhạc-chính.»

Trong tám phái ấy thì phái Tử-Tư (học-trò Tăng-tử), phái họ Mạnh (Mạnh-tử, thuộc phái Tử-Tư), phái họ Nhạc-chính (Nhạc-chính Khắc, học-trò Mạnh-tử) đều thuộc về phái Tăng-tử. Phái Tử-Trương và phái Tất-diệu Khai thì không biết rõ truyền cho những ai. Phái họ Tôn, tức là phái của Tuân-Khanh, không biết thuộc về phái nào. Còn phái họ Nhan và phái họ Trọng-Lương thì không biết là ai.

Dẫu thế nào mặc lòng, sau khi Khổng-tử mất rồi. Nho giáo chia ra phái Tăng-Tử, phái Tử-Hạ, phái Tử-Trương, phái Tử-Du, phái Trọng-Cung, phái Hữu-tử, phái Thương-Cổ, phái Tất-diệu Khai, kê ra như biểu sau này:

KHÔNG TỬ	Tăng-tử, Tử-Tư, Mạnh-tử		} Nhạc chính Khắc Công-tôn Sửu Vạn-Chương	
	Tử-Hạ	} Công - dương Cao Cốc - lương Xích	Tuân-tử	} Hàn-Phi Lý-Tư
Tử-Trương				
Tử-Du				
Trọng-Cung				
Hữu-tử				
Thương-Cổ				
Tất-diệu Khai				

Trong bấy nhiêu phái thì có phái Tử-Trương, phái Tử-Hạ và phái Tăng-tử là có thế-lực hơn cả. Phái Tử-Hạ học về đường văn-chương, phái Tăng-tử học về đường đạo-dức.

Phái Tử-Trương. Trong các môn - đệ Khổng-tử có Tử-Trương là người có thái-độ ung-dung hoàng-dại. Ông nói rằng: «Sĩ kiến nguy tri mệnh, kiến đắc tư nghĩa, tế tư kinh, tang tư ai, kỳ khả dĩ hỹ 士見危致命, 見得思義, 祭如也, 喪思哀, 其可已矣: kẻ sĩ thấy nguy bỏ mình, thấy tai-lợi nghĩ đến điều nghĩa, tế nghĩ đến sự kinh, tang nghĩ đến sự thương-xót, thế là khá rồi». (Luận-ngữ: Tử-Trương XIX). Ý ông muốn điều gì cũng cốt giữ cái tinh-thần, chứ không cần phải câu-chấp những điều vun-vật, miễn là lúc nào bụng mình cũng thực, đức mình cũng rộng, thì việc mình làm mới hay được. Vậy nên ông nói: «Chấp đức bất hoàng, tin đạo bất đốc, yên năng vi hữu, yên năng vi vô 執德不弘, 信道不篤, 焉能為有, 焉能為無: giữ đức không rộng, tin đạo không dày, sao hay là có, sao hay là không?» (Luận-ngữ: Tử-Trương XIX). Cái học của ông rộng-rãi, bao-dung cả người hay người dở, cho nên hậu-nho cho là cao quá, không vừa tầm cho người thường theo được. Một hôm có người học-trò Tử-Hạ đến hỏi ông về việc giao-kết với người. Ông hỏi lại: «Vậy thì Tử-Hạ nói thế nào?» Người học-trò trả lời: «Tử-Hạ bảo: Khả giả dĩ chi, kỳ bất khả giả cự chi 可者與之, 其不可者拒之: giao-kết với người khá, cự tuyệt với người không khá.» Ông nói: «Dị hồ ngô sở văn. Quân-tử tôn hiền nhi dụng chúng, gia thiện nhi cang bất năng. Ngã chi đại hiền dư, ư nhân hà sở bất dụng? Ngã chi bất hiền dư, nhân tương cự ngã, như chi hà kỳ cự nhân giả? 異乎吾聞, 君子尊賢而容衆, 嘉善而矜不能. 我之大賢與, 小人何所不容? 我之不賢與, 人將拒我, 如之何其拒人也: khác với cái nghe của ta. Người quân-tử tôn người hiền mà dụng mọi người, khen người giỏi mà thương người không có tài. Nếu ta thật là hiền, thì ai mà

chẳng dung được? Nếu ta không hiền thì người ta cự-tuyệt ta, ta còn cự-tuyệt được ai nữa? » (*Luận-ngữ : Tử-Trương, XIX*). Ông có cái khi-tượng khoáng-đãng như thế, cho nên thường không hợp với những người như bọn Tăng-tử, Tử-Hạ và Tử-Du.

Tăng-tử nói : « Đường đường hồ Trương giả, nan dĩ tịnh vi nhân hĩ 堂堂乎張也, 難與並爲仁矣 : Trương là người có tư-cách đường đường, nhưng khó giúp người làm điều nhân vậy ». (*Luận-ngữ : Tử-Trương, XIX*).

Tử-Du nói : Ngô hữu Trương giả vi nan năng giả, nhiên nhi vị nhân 吾友張也, 爲難能也, 然而未仁 : ta bạn với Trương là vì Trương giỏi không ai bằng, nhưng chưa phải là bậc nhân ». (*Luận-ngữ : Tử-Trương, XIX*).

Hai ông chê Tử-Trương chưa thật là bậc nhân, vì cái học của Tử-Trương có phần phóng-khoảng thái quá, nhưng hai ông lại tỉ-mỉ và câu-nệ những điều tiều-tiết. Như một khi đi điều người chết, Tăng-tử « tập cứu nhi điều 弔 : mặc áo phủ ngoài áo thường đi điều », mà Tử-Du thì « tích cứu nhi điều 積裹而弔 : mặc áo thường đi điều ». Tăng-tử thấy vậy chỉ Tử-Du mà bảo người ta rằng : « Gã kia tập lễ sao lại mặc áo thường mà đi điều ». Đến khi làm lễ khâm-liệm xong rồi, Tử-Du chạy ra mặc áo phủ ngoài và thắt dây mà vào, Tăng-tử mới nói : « Ta làm rồi, gã kia theo đúng lễ ». (*Lễ-ký : Đản-cung thượng*).

Xem thế thì biết cái học của bọn Tăng-tử hay câu-nệ những điều vụn-vặt, khác với cái học khoáng-đãng tự-nhiên của Tử-Trương. Nhưng vì sau đời Chiến-quốc cái học của Tử-Trương không truyền nữa, cho nên không biết rõ tông-chỉ hay dở thế nào.

Phái Tử-Hạ. Sau khi các môn-đệ của Khổng-tử ở nước Lỗ giải-tàn đi các nơi, Tử-Hạ về dạy học ở phía Tây-hà, tức là ở vùng tỉnh Hà-nam bây giờ. Vua nước Ngụy là Văn-hầu (423-387) tôn ông làm thầy và đặt quan bác-sĩ để học các Kinh. Nho-giáo thành ra quốc-giáo khởi đầu từ đó.

Học-trò Tử-Hạ là bọn Công-dương Cao 公羊高, Cốc-lương Xích 穀梁赤 chuyên-trị kinh Xuân-thu.

Phái Tử-Hạ chú-trọng về văn-chương và lễ-nghi, và lại có quan-chủ bảo-hộ, có quan bác-sĩ coi giữ các Kinh. Cho nên về sau càng ngày càng phát-đạt lên. Hết đời Chiến-quốc, qua đời Tần, đời Hán, đời Đường, Nho-giáo tuy có chầm-chước với các phái khác, nhưng thường là do phái này mà thịnh-hành ở đời vậy.

Phái Tăng-tử. Khổng-tử mất rồi, Tăng-tử nối chân mở trường dạy học ở nước Lỗ. Ông học rộng và thành-thực, chắc chắn hơn cả, cho nên người đời sau cho học-phái của ông là chính-truyền.

Cái học của ông chú-trọng về đường đạo-dức, nhưng tông-chỉ đã hơi khác đạo của Khổng-tử. Khổng-tử chủ lấy nhân làm cốt, dùng hiếu-đễ, lễ-nhạc để gây thành đạo-nhân, mà bọn Tăng-tử thì lấy hiếu làm gốc cho các đức-tính khác. Những người đồng ý với ông như Hữu-tử nói rằng : « Hiếu-đễ giả giả, kỳ vi nhân chi bản dư 孝弟也者, 其爲仁之本與 : hiếu-đễ làm cái gốc cho đạo nhân ». (*Luận-ngữ : Học-nhi, I*). Xem thế thì biết đạo của Khổng-tử ngay từ lúc đầu đã biến thiên đi rồi. Tăng-tử rất chú-ý về sự giảng đạo hiếu. Ông nói : « Hiếu hữu tam : Đại hiếu tôn thân, kỳ thứ phát nhục, kỳ hạ năng dưỡng : 孝有三 : 大孝尊親, 其次弗辱, 其下能養 : hiếu có ba bậc : bậc đại-hiếu là làm tôn-trọng cha mẹ, bậc thứ là không làm nhục đến cha mẹ, bậc dưới cùng là có thể nuôi được cha mẹ » (*Lễ-ký : Tế-nghĩa*). Làm tôn-trọng cha mẹ là phải « tiên ý, thừa chỉ, dụ phụ mẫu ư đạo 先意, 承志, 諭父母於道 : hiếu trước cái ý của cha mẹ, vâng theo cái chỉ của cha mẹ, đề đem cha mẹ đi theo đạo phải » (*Tế-nghĩa*), hay là « Lập thân hành đạo, dương danh ư hậu-thế, dĩ顯父母 : 立身行道, 揚名於後世, 以顯父母 : gây-dựng thân mình đem thi-hành cái đạo ra, rõ tiếng về đời sau, để cho vinh-hiến cha mẹ ». (*Hiếu-kinh*). Không làm nhục đến cha

mẹ là phải giữ danh-giá của mình cho trọn-vẹn. Ông nói: « Thân già già, phụ mẫu chi di thể già. Hành phụ mẫu chi di thể, cảm bất kính hồ? Cư xử bất trung, phi hiếu già; sự quân bất trung, phi hiếu già; li quan bất kính, phi hiếu già; bằng hữu bất tín, phi hiếu già; chiến trận vô dũng, phi hiếu già. Ngũ giả bất toại, tại cập ư thân, cảm bất kính hồ? 也者, 父母之遺體也. 行父母之遺體, 敢不敬乎? 居處不莊, 非孝也; 事君不忠, 非孝也; 莅官不敬, 非孝也; 朋友不信, 非孝也; 戰陣無勇, 非孝也. 五者不遂, 災及於親, 敢不敬乎: thân là di-thể của cha mẹ. Đem cái di-thể của cha mẹ mà làm công nọ việc kia, dám nào không kính hay sao? Cư-xử không nghiêm, không phải là hiếu; thờ vua không trung, không phải là hiếu; làm quan không kính, không phải là hiếu; bầu bạn không tin, không phải là hiếu; đi trận-mạc không mạnh-bạo, không phải là hiếu. Năm điều ấy không thành, thiệt hại đến cha mẹ, dám nào không kính hay sao? » (Tế-nghĩa). Kính cái di-thể của cha mẹ là phải giữ thân mình cho trong-sạch và không hư-hỏng như lời ông đã dạy học trò: « Phụ mẫu toàn nhi sinh chi, tử toàn nhi qui chi, khả vị hiếu hĩ. Bất khuy kỳ thể, bất nhục kỳ thân, khả vị toàn hĩ 父母全而生之, 子全而歸之, 可謂孝矣. 不虧其體, 不辱其身, 可謂全矣. cha mẹ sinh con ra trọn-vẹn, con trọn-vẹn mà đem về, khá gọi là hiếu. Không hư-hỏng thân-thể, không nhục thân-danh, khá gọi là trọn-vẹn vậy ». (Tế-nghĩa). Lấy hai cái lễ tôn thân và phát nhục mà hiểu nghĩa chữ hiếu, thì cũng có phần cao-minh, vì có ý khuyến-khích người ta cố-gắng học-tập cho hay hơn tốt hơn để xứng cái công-đức cha mẹ. Nhưng hậu-thế lại nệ về chữ «toàn nhi sinh, toàn nhi qui» mà hiểu ra cách giữ cái tóc, cái móng chân, móng tay, nghĩa là chỉ hiểu cách thô-thiển về đường giữ thân-thể, thành ra nhút-nhát nhu-nhược không ra thể-cách con người trượng-phu nữa. Về phần cao-minh mà còn hiểu lầm như thế, huống chi người đời lại chú ý về việc nuôi

mà thôi, và lại câu-nệ thái quá về những điều vun-vật, thành ra mất cả ý-nghĩa cao-xa.

Đạo hiếu vốn là cái nền luân-lý rất tốt nhưng vì người đời quá thiên về đường thiển-cận làm thành ra có nhiều điều lầm-lạc, ấy cũng là một điều đáng tiếc cho Nho-giáo. Tuy cái học của phái Tăng-tử không được đúng như tông-chỉ của Khổng-tử cho lắm, nhưng phái ấy có công rất lớn với Nho-giáo là đã giữ được những lời giảng-dụ của Khổng-tử, chép ra ở sách Luận-ngữ và lại làm ra sách Đại-học và sách Trung-dụng để bày tỏ chủ-dịch sự học và những lẽ uyên-áo của Khổng-giáo. Hậu-thế nhờ có mấy quyển sách ấy mà biết rõ cái đạo của thánh-nhân. Cái công ấy khá đáng cho phái ấy là chính-truyền vậy.

Luận - ngữ 論語. Phái Tăng-tử cùng với các môn-đệ góp nhặt những lời giảng-dụ của Khổng-tử xếp thành sách Luận-ngữ để truyền về sau. Sách này hình như môn-đệ Khổng-tử ai nhớ được điều gì thì chép ra, rồi góp lại mà thành, cho nên không có thứ-tự gì cả. Có chỗ là bọn đồng môn với Tăng-tử chép ra, có chỗ lại là bọn học-trò của Tăng-tử và Hữ-tử chép thêm vào. Cũng vì thế cho nên các đệ-tử của Khổng-tử đều đề chữ tử 子 lên trên tên tự, như: Tử-Lộ, Tử-Trương, Tử-Du, Tử-Hạ, Tử-Cống v. v., duy chỉ có Tăng-tử và Hữ-tử thì đề chữ tử xuống dưới tên họ, là đề tỏ cách tôn-kính.

Trong sách ấy, cùng một chữ nhân, chữ hiếu, chữ chính mà mỗi nơi nói một khác, là vì cách lập giáo của Khổng-tử cứ tùy tư-cách, hoặc tùy sở đắc, sở thất của từng người mà dạy-bảo, cho nên nghĩa không đồng. Tuy hình-thức thì không có trật-tự phân-minh, nhưng văn-từ thì thật rõ, thật đúng, ý-từ rất sáng rất gọn, mà câu nào cũng hàm-súc ung-dung, đích-dàng là lời của thánh-nhân. Nay ta nhờ có sách ấy mới biết rõ học-thuyết của Khổng-tử và mới hiểu cái vi ý của Ngài về các sự-lý. Thật là quyển sách rất quý của Nho-giáo. Song học-giả phải lập

chỉ học mà suy-nghĩ cho kỹ thì mới biết là hay, và sự học đạo của Thánh-hiền mới có ích-lợi. Trình Y-xuyên đời Tống nói: « Có người đọc xong sách *Luận-ngữ* rồi sau không thấy gì cả, có người đọc xong rồi sau thích một vài câu, có người đọc xong rồi sau lấy làm thích lắm, có người đọc xong rồi thích đến nổi múa tay múa chân lên mà không biết. » Ông lại nói: « Ai đọc xong sách *Luận-ngữ* mà vẫn còn những tính-nết như trước khi chưa đọc, thì người ấy chưa hiểu đọc sách vậy ».

Đại-học 大學. Sách này với sách *Trung-dụng* khi xưa vốn là hai thiên chép ở trong sách *Lễ-kỷ*. Đến đời Tống, các nho gia mới đem in riêng ra để cùng với sách *Luận-ngữ* và sách *Mạnh-tử* làm bốn sách gọi là *Tứ-thư*.

Cứ theo ý-kiến của các nhà nho-học xưa nay, thì thiên *Đại-học* là của Tăng-tử giải-diễn mấy lời của Khổng-tử truyền lại. Khổng-tử nói: « *Đại-học* chỉ đạo, tại minh minh-đức, tại thân dân, tại chí ư chí thiện. *Tri chi nhi hậu năng định, định nhi hậu năng tĩnh, tĩnh nhi hậu năng lập, lập nhi hậu năng lục, lục nhi hậu năng đắc. Vật hữu bản mạt, sự hữu chung thủy, tri sở tiên hậu, tắc cận đạo hỹ.* »

Cổ chi dục minh minh-đức ư thiên-hạ giả, tiên trị kỳ quốc; dục trị kỳ quốc giả, tiên tề kỳ gia; dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân; dục tu kỳ thân giả, tiên chỉnh kỳ tâm; dục chỉnh kỳ tâm giả, tiên thành kỳ ý; dục thành kỳ ý giả, tiên trị kỳ trí. Trí trị tại cách vật.

Vật cách nhi hậu tri chi; tri chi nhi hậu ý thành; ý thành nhi hậu tâm chỉnh; tâm chỉnh nhi hậu thân tu; thân tu nhi hậu gia tề; gia tề nhi hậu quốc trị; quốc trị nhi hậu thiên-hạ bình.

Tự thiên-tử dĩ chí ư thứ-nhân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản. Kỳ bản loạn nhi mạt trị giả, phủ hỹ; kỳ sở hậu giả, bại, nhi kỳ sở bại giả, vị chi hữu giả.

大學之道, 在明明德, 在親民, 在止於至善. 知止而後有定, 定而後能靜, 靜而後能安, 安而後能慮, 慮

而後能得. 物有本末, 事有終始, 知所先後, 則近道矣.

古之欲明明德於天下者, 先治其國; 欲治其國者, 先齊其家; 欲齊其家者, 先修其身; 欲修其身者, 先正其心; 欲正其心者, 先誠其意; 欲誠其意者, 先致其知. 致知在格物.

物格而後知至; 知至而後意誠; 意誠而後心正; 心正而後身修; 身修而後家齊; 家齊而後國治; 國治而後天下平.

自天子以至於庶人, 壹是皆以修身爲本. 其本亂而末治者, 否矣; 其所學者薄, 而其所薄者厚, 未之有也.

Cái đạo của bậc đại-học là ở sự làm cho sáng cái đức sáng, ở sự thân-yêu người, ở sự đến chí thiện mới thôi. Có biết đến cùng thì sau mới có định, định thì sau mới có thể tĩnh, tĩnh thì sau mới có thể yên, yên thì sau mới có thể lập, lập thì sau mới có thể lục, lục thì sau mới có thể đắc. Vật có gốc-ngọn, sự có cuối có đầu, biết rõ trước sau thì gần đạo vậy.

Đời xưa người muốn làm sáng cái đức sáng ở thiên-hạ, thì trước phải trị nước mình; người muốn trị nước mình, thì trước phải tề nhà mình; người muốn tề nhà mình, thì trước phải sửa thân mình; người muốn sửa thân mình, thì trước phải chỉnh cái tâm của mình; người muốn chỉnh cái tâm của mình, thì trước phải làm cho tinh-thành cái ý của mình, người muốn làm cho tinh-thành cái ý của mình, thì trước phải biết đến chỗ cùng-cực. Biết đến chỗ cùng-cực là ở sự suốt tới chỗ uyên-thâm của sự-vật.

Suốt tới chỗ uyên-thâm của sự-vật, thì sau mới biết đến chỗ cùng-cực; biết đến chỗ cùng-cực, thì sau cái ý mới tinh-thành; cái ý đã tinh-thành, thì sau cái tâm mới chỉnh; cái tâm đã chỉnh, thì sau cái thân mới tu; cái thân đã tu, thì sau nhà mới tề; nhà đã tề, thì sau nước mới trị; nước đã trị thì sau thiên-hạ mới bình.

Từ đấng thiên-tử cho đến kẻ thứ-nhân, ai cũng phải lấy sự sửa mình làm gốc. Cái gốc loạn mà cái ngọn trị thì chưa có vậy; cái gốc mình đáng hậu mà bạc, cái ngọn mình đáng bạc mà hậu, là chưa có bao giờ ».

Tăng-tử đem những lời trong kinh *Thư* và kinh *Thi* mà diễn thêm cho rõ cái ý của Khổng-tử vừa nói ở trên để dạy học-trò. Sau khi ông mất rồi, học-trò ông mới chép ra thành mười chương nữa. Trong mười chương ấy thì bốn chương đầu nói tóm ba cái cương-lĩnh là *minh minh-đức, thân dân, chỉ u chi thiện*, còn sáu chương sau nói kỹ tám điều-mục là *cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm, tu thân, lễ gia, trị quốc, bình thiên-hạ*. Chương thứ năm thích rõ nghĩa sự cách vật và trí tri, song chương ấy về sau mất mát, người ta đem cái ý của Trình-tử đời nhà Tống mà bổ thêm vào. Chương thứ sáu nói sự giữ cái ý của mình cho thành.

Nói rút lại, chủ-dịch sự học của người ta là đem cái đức sáng của Trời phú cho mà sửa mình cho hoàn-toàn, rồi mới trị được người. Muốn sửa mình thì phải chính tâm, thành ý và trí tri. Đã trí tri là cách vật. Khi đã trí tri và cách vật, thì ý thành, tâm chính, tức là sửa được thân. Thân đã sửa được thì có thể tề gia, trị được quốc, bình được thiên-hạ. Vậy trước sau phải lấy sự sửa mình làm gốc. Sửa mình để trị nước và bình thiên-hạ. Thành thử cái học của Nho-giáo rất quan-hệ đến việc tiến-hóa của quốc-gia và xã-hội.

Đại-đề sách *Đại-học* cốt có bấy nhiêu mà thôi. Cách lập ngôn thì theo lối cổ, thường hay nói lặp đi lặp lại, nhưng rất có thống-hệ, văn-lý tiếp-tục, ý-nghĩa tinh-mật, thật là một sách thời cổ rất có giá-trị.

Trung-dung 中庸. Tăng-tử mất, truyền cái học lại cho học-trò là Khổng Cấp 孔伋, tự là Tử 思, cháu đích-tôn Khổng-tử. Tử-Tư nối nghiệp dạy học-trò, đem cái phần uyên-ảo của Khổng-giáo mà nói rõ ở thiên *Trung-dung*.

Sách *Hán-thư* chép rằng sách của Tử-Tư có 23 thiên nhưng sau chỉ có thiên *Trung-dung* truyền ở đời. Thiên này trước chép ở trong sách *Lễ-ký* cũng như thiên *Đại-học*, mãi đến đời nhà Tống mới in riêng ra thành sách.

Sách *Trung-dung* nói cái chủ-nghĩa chấp-trung của thánh-hiền đời xưa và thuật lại cái ý-chỉ của Khổng-tử. Trước hết nói cái bản-nguyên của đạo là tự Trời mà ra, không thể thay-đổi di được, và cái thực-thể của đạo ấy có đủ cả ở mình, không thể xa lìa ra được. Thứ nói cái cốt-yếu *tôn, dưỡng, lĩnh, sát*. Sau nói cái cùng-cực của *thánh, thần, công, hóa*. Ai muốn học những điều ấy, thì tìm lấy trong mình mình mà tự hiểu lấy, đề bỏ những điều thiên-tư của những sự ngoại-đu, mà sung-khoáng cái thiện bản-nhiên của Trời phú cho.

Tử-Tư dẫn những lời của Khổng-tử đã giảng về đạo trung-dung. Ngài nói : « Trung hòa là cái tinh-tinh tự-nhiên của trời đất, mà trung-dung là cái đức-hạnh của người ta. Trung là giữa, không lệch về bên nào, dung là thường, nghĩa là dùng đạo trung làm đạo thường. Đạo trung-dung thì ai cũng có thể theo được, thể mà không mấy người chịu theo. Khác nào như ai cũng ăn-uống cả, nhưng ít người ăn mà biết rõ mùi vậy. Chỉ có thánh-nhân mới theo được mà thôi, vì theo đạo ấy cốt phải có ba cái đạt đức là *tri, nhân* và *dũng*. Trí là để biết rõ các sự-lý, nhân là để hiểu điều lành mà làm, dũng là để có cái khí cường-khien mà theo làm điều lành cho đến cùng. Ba cái đạt-đức ấy là ba cái cửa vào đạo, cho nên nói rằng : *Hiếu học cận hồ tri, lực hành cận hồ nhân, tri lực cận hồ dũng* 好學近乎智, 力行近乎仁, 知恥近乎勇 : thích học là đã gần có trí, cố sức mà làm là đã gần có nhân, biết thẹn là đã gần có dũng ». Có ba điều ấy mới sửa được mình, trị được người và trị được thiên-hạ và quốc-gia.

Đạo ấy là đạo của người quân-tử, dùng ra thì rất rộng, mà cái bản-thể thì rất tinh-vi. Đem thi-thố ra thì ai cũng

có thể biết được, làm được, mà biết cho đến cùng, làm cho đến hết, thì dầu bậc thánh-nhân cũng không biết và làm hết được. Đạo ấy bao-quát cả cái lớn vô cùng và cái nhỏ vô cùng. « *Ngũ đại, thiên-hạ mạc năng tải yển : ngũ tiểu, thiên-hạ mạc năng phá yển* 語大, 天下莫能載焉; 語小, 天下莫能破焉: nói cái lớn, thì cả thiên-hạ không thể chở được; nói cái nhỏ, thì cả thiên-hạ không thể phân-phá ra được. »

Tử-Tư lại dẫn lời của Khổng-tử nói về chữ thành 誠. « Thành là đạo Trời, học cho đến bậc thành là đạo người. Cái tính của Trời phú cho người là tự nó thành và minh, mà cách dạy người là làm cho minh cái thành. Đã thành là minh, đã minh là thành. » Ông theo ý-kiến ấy mà giải rõ nghĩa đạo Trời cho nên mới nói : « *Thành giả tự thành giả, nhi đạo tự đạo giả* 誠者自成也, 而道自道也. thành là tự thành-tự lấy mình, mà đạo là tự đạo-dạy lấy mình ». Thành là cái thể của Trời, đạo là cái dụng của Trời. Vạn vật nhờ có cái thành mới sinh-hóa ra được. « *Thành giả vật chi chung thủy, bất thành vô vật* 誠者物之終始, 不誠無物: thành là trước sau của muôn vật, không có thành thì không có sự-vật gì cả. » Vậy nên người quân-tử lấy đạo thành làm quý. Thành là không những tự thành-tự lấy mình mà thôi, lại thành-tự cho vạn vật nữa. Thành được mình là nhân, thành được vật là trí. Vậy thành là cái đức của tính và là cái đạo hợp cả trong lẫn ngoài.

Cái đức của chí thành là cứ biến-động và hóa-dục mãi, không nghỉ, tức là bao-hàm cả cái ý *du-cửu* 悠久 và *du-viễn* 悠遠. Đã du-cửu thì không có lúc nào là không có, và đã du-viễn thì không có chỗ nào là không khắp. Bởi vậy cho nên mới nói : « Không đâu là không có Trời. »

Trời đã ở khắp mọi nơi, thì không đâu là hư là giả, nghĩa là đâu đâu cũng có sinh-hóa, có sự-vật, chứ không chỗ nào trống-không và không chân-thực; mà đã lúc nào

cũng có, thì không gián-doạn, nghĩa là sự sinh-hóa không bao giờ đứt khúc. Du-cửu thuộc về phần trong, du-viễn thuộc về phần ngoài. Phần trong mà có mãi thì phần ngoài chứng-nghiệm ra rất rộng, rất xa. Du-viễn thì vô cùng, du-cửu thì vô cương, cho nên cái tích-lực quảng-bác mà thâm-hậu; đã quảng-bác, thâm-hậu thì cái phát-lực cao-dại mà quang-minh. Vậy đạo Trời là du-cửu, du-viễn, bác-hậu, cao-minh. Bác-hậu để chở vật, cao-minh để che vật, du-cửu để thành vật : « *Bác-hậu sở dĩ tải vật giả, cao-minh sở dĩ phủ vật giả, du-cửu sở dĩ thành vật giả* 博厚所以載物也, 高明所以覆物也, 悠久所以成物也 ». Bởi thế cho nên « *Bất hiện nhi chương, bất động nhi biến, vô vi nhi thành* 不見而章, 不動而變, 無爲而成: không hiện ra mà rõ, không động mà biến, không làm gì mà thành ».

Đạo Trời như thế, đạo người phải thế nào? Đạo người là phải cố-gắng hết sức để cho đến bậc chí thành. Phải học cho rộng, xét hỏi cho kỹ, nghĩ-ngợi cho sâu, biện-biệt điều phải trái cho rõ, và dốc lòng làm điều thiện cho đến cùng. Hễ ai làm được như thế thì rồi ngu thành ra sáng, yếu thành ra mạnh, tức là dần dần lên đến bậc chí thành. Ở trong thiên-hạ duy chỉ có bậc chí thành tức là bậc thánh thì mới biết rõ cái tính của Trời; biết rõ cái tính của Trời, thì biết được rõ cái tính của người; biết rõ cái tính của người thì biết được rõ cái tính của vạn vật; biết rõ cái tính của vạn vật, thì khả dĩ giúp được sự hóa-dục của trời đất và có công ngang với trời đất vậy. Còn bậc thứ là bậc hiền-giả, thì phải học-tập mất nhiều công-phu, mới đến được bậc chí thành.

Tử-Tư tin cái đạo chí thành linh-diệu như thần, cho nên ông nói : « Đạo chí thành có thể biết trước được mọi việc. Nước nhà sắp hưng-thịnh, tất có điềm lành, nước nhà sắp mất, tất có điềm dữ, những điềm ấy hiện ra ở cỏ thì, mai rùa, hoặc động ở chân tay. Khi có họa-phúc sắp đến, thì điều lành cũng biết trước, điều dữ cũng biết

trước ». Đạo của bậc thánh-nhân cao-diệu như thế, cho nên ông mới tán-thán rằng : « Đại tại thánh-nhân chi đạo ! Dương dương hồ, phát dục vạn vật, tuần cực ư thiên ! 大哉聖人之道？洋洋乎，發育萬物，峻極於天！: đạo của thánh-nhân lớn vậy thay ! Rộng-rãi mênh-mông, sinh-nuôi muôn vật, cao sánh với trời ! ». Người quân-tử học đạo ấy, xét từ cái nhỏ đến cái lớn, suy từ cái mây đến cái rõ, ở ngôi trên không kiêu, làm người dưới không trái, nước trị thì lời nói có thể hưng-khởi được điều hay, nước loạn thì ngồi im có thể dung được thân. Động có thể đời đời làm đạo cho thiên-hạ, hành-vi có thể đời đời làm khuôn-phép cho thiên-hạ, nói-năng có thể đời đời làm mực-thước cho thiên-hạ, người ở xa trông-mong, người ở gần không bao giờ chán.

Trong bốn chương sau cùng: XXX, XXXI, XXXII, XXXIII, Tử-Tư nói cái đạo của Khổng-tử cao-xa sâu-dày như trời đất, sáng rõ như mặt trời, mặt trăng. Ông kết-luận rằng : « Duy chỉ có bậc chí thành mới thông-minh tuệ-trí, dù soi-xét được cả thiên-hạ ; khoan-dụ, ôn-nhu, độ-bao dung thiên-hạ ; phát-cường, cương-ng nghị đủ quyết-đoán việc trong thiên-hạ ; trai-trang, trung-chính, đủ làm cho thiên-hạ kính-trọng ; văn-lý mật-sát, đủ biện-biệt mọi việc trong thiên-hạ. Bao giờ cũng rộng-rãi sâu-xa và cứ tùy thời mà phát-hiện ra. Duy chỉ có bậc chí thành mới kinh-luân được mối lớn của thiên-hạ, lập được gốc lớn của thiên-hạ, biết được sự hóa-dục của thiên-hạ mà không phải nương-dựa vào gì cả. Cái nhân của bậc ấy rất thuần-túy, cái lượng của bậc ấy rất sâu-rộng, cái trí của bậc ấy to-lớn như trời. Những người ấy nếu vốn không phải là bậc thông-minh, thánh-trí, đạt được cái đức của Trời, thì còn có ai là người biết được nữa ! »

Ông dẫn những lời trong kinh Thi để chứng rõ cái đức của người quân-tử cốt ở cái tính-thần vô hình. Cái tính-thần ấy có thể-lực rất mạnh, khiến mình không động mà người ta kính, không nói mà người ta tin, không thưởng mà dân nức lòng làm điều lành, không giận mà dân sợ hơn búa rìu. Ông lại dẫn lời của Khổng-tử để chứng rõ cái đạo của

Ngài chủ-trọng ở phần tinh-thần. Ngài nói rằng : « Thanh chí ư dĩ hóa dân, mật giã. Thi viết : đức do như mao. Mao do hữu luân, thượng thiên chí tái, vô thanh, vô khí, thi hỹ ! 聲色之於以化民，末也。詩曰：德輶如毛。毛猶有倫，上天之載，無聲，無臭，至矣： dùng tiếng nói to, sắc mặt nghiêm mà hóa dân, là thuật kém hơn cả. Kinh Thi nói : Cái đức của người trên nhẹ như cái lông mao. Cái lông mao còn có vi với vật khác có sức nặng, chứ việc sinh-hóa tài-bồi của Trời là không có tiếng, không có hơi. Đạo ấy mới thật là rất mực vậy ! »

Sách Trung-dụng nói cái đạo của thánh-nhân căn-bản ở Trời, rồi giải-diễn ra hết mọi lẽ, khiến người ta phải giữ mình cho kính-cần trong khi hành-động và khi im-lặng một mình. Suy cái lý ấy ra cho đến sự nhân-nghĩa, để khiến cho cả thiên-hạ được bình-trị, và lại tán-dương cái công-hiệu linh-diệu của đạo ấy cho đến chỗ tinh-thần vô thanh, vô sắc, mới thôi. Thật là một quyển sách triết-lý rất cao, tưởng các sách đời cổ truyền lại chưa có sách nào bàn đến cái lý-học siêu-việt như thế.

Giá hậu-thế cứ theo cái ý-nghĩa trong sách Trung-dụng mà bồi-bổ và khoáng-trương cái phần thuần-lý triết-học ra, thì có lẽ Nho-giáo thành ra một môn triết-học uyên-ảo vô cùng. Nhưng vì cái tính-cách người Tàu quá thiên về đường thực-tế, các học-giả thường chỉ chuyên trị những việc chính-trị và những sự thực-hành luân-lý, cho nên cái học của Nho-giáo càng ngày càng thấp xuống. Ấy cũng là một điều đáng tiếc cho sự học ở phương Đông ta vậy.

THIÊN VIII

MẠNH - TỬ

Phái đạo-đức của Tăng-tử ở nước Lỗ, truyền đến cuối thế-kỷ thứ IV, trước Tây-lịch kỷ-nguyên, thì có một nhà đại hiền-triết đem Nho-giáo làm cho sáng rõ hơn trước. Nhà đại hiền-triết ấy là Mạnh Kha 孟軻, tự là Dư 輿, người đất Châu 鄒, nay là huyện Châu, thuộc tỉnh Sơn-dông.

Cứ theo sách *Mạnh-tử-phả*, thì ông sinh vào ngày mồng 2 tháng tư năm thứ tư đời vua Chu Liệt-vương (372 trước Tây-lịch) và mất vào ngày 15 tháng mười một, năm thứ hai-mươi-sáu, đời vua Chu Noãn-vương (289 trước Tây-lịch). Thuở ông lên ba tuổi, thì cha mất, nhờ có mẹ hiền dạy-dỗ sau theo học về phái thầy Tử-Tư, hiểu được rõ cái đạo của Khổng-tử. Ông lại có tài hùng-biến, thường đi du-lịch nước Tề, nước Lương, nước Tống, nước Đằng, muốn đem cái đạo của thánh-nhân ra cứu đời nhưng vì thuở ấy vua các nước chỉ lo việc chiến-tranh, không ai để ý đến việc nhân-nghĩa. Sau đã gần già, ông thấy cái đạo không thi-hành được, ông về ở nhà cùng với môn-đệ là bọn Nhạc-chính Khắc 樂正克, Công-tôn Sửu 公孫丑 và Vạn Chương 萬章 ghi-chép những điều ông đã đối-dáp với vua các nước Chư-hầu, hoặc là với bọn môn-đệ của ông, cùng những lời ông phê-bình những sự chệch-lệch của các học-thuyết khác mà làm thành bảy thiên sách *Mạnh-tử*.

Nay xem sách ấy ta có thể thấy rõ cái đạo của ông, và thiết tưởng nên chia ra làm ba mục như sau này :

- I. Tâm-học triết-lý
- II. Chính-trị triết-lý
- III. Tài-nghệ của Mạnh-tử

I. TÂM-HỌC TRIẾT-LÝ

Tính thiện. Cái học uyên-nguyên của Mạnh-tử là ở tâm-học, trước sau chú-trọng ở chữ tâm và chữ tính. Ông lý-hội được lời Khổng-tử nói ở thiên *Hệ-tử* trong kinh *Dịch* rằng : « Nhất âm nhất dương chi vị đạo, kế chi giả thiện giả, thành chi giả tính giả » và ở sách *Luận-ngữ* rằng : « Tính tương cận giả, tập tương viễn giả » và ở sách *Trung-dụng* rằng : « Thiên mệnh chi vị tính », mà biết rằng tuy Ngài không nói tính thiện hay tính ác, nhưng đã gọi tính là cái của Trời phú cho, thì tính tất là phải thiện. Đây ta phải hiểu rõ chữ tính của Khổng-giáo khác nghĩa chữ tính của người ta thường dùng. Người ta thường nói tính là nói gồm tất cả các nét tốt, nét xấu tự-nhiên ở trong tâm-thần của một vật nào, tức là nói cả cái toàn-thể sinh-hoạt của vật ấy. Khổng-giáo không hiểu như thế, cho tính là cái phần thiên-lý của Trời phú cho, có đủ nhân-nghĩa lễ-trí, tức là cái *minh-đức* nói ở đầu sách *Đại-học*. Mạnh-tử theo cái ý-chỉ ấy mà lập ra thuyết tính thiện.

Thuở ấy có người nói : « Hữu tính thiện, hữu tính bất thiện 有性善, 有性不善 : có tính thiện, có tính bất thiện ». Có người lại nói : « Tính khả dĩ vi thiện, khả dĩ vi bất thiện 性可以為善, 可以為不善 : tính có thể làm thiện, có thể làm bất thiện ». Cáo-tử thì nói : « Tính vô thiện vô bất thiện 性無善, 無不善 : tính không thiện, không bất thiện ». Nghĩa là tính không thiện không ác gì cả. Cáo-tử lại nói : « Sinh chi vị tính 生之謂性 : sinh-hoạt ở đời là tính » và lại ví : « Tính do kỷ liễu giả, nghĩa do bói quyền giả. Dĩ

nhân tính vi nhân nghĩa, do dĩ kỷ liễu vi bói quyền 性猶杞柳也, 義猶杯棬也. 以人性為仁義, 猶以杞柳為杯棬 : tính như cây kỷ cây liễu, nghĩa như cái chén cái thìa, lấy tính người làm việc nhân việc nghĩa, cũng như lấy cây kỷ cây liễu làm cái chén cái thìa ». Cái cây mọc lên, lớn lên, theo lẽ tự-nhiên, rồi ta chặt cây gỗ làm các thứ đồ dùng; dùng làm cái gì thì nó ra cái ấy, cũng như là tính thì cứ theo lẽ tự-nhiên mà sinh-trưởng, rồi bắt theo nhân-nghĩa thì là nhân-nghĩa, bắt theo bạc ác thì là bạc ác. Cáo-tử lại ví tính như nước : « Tính do thoan thủy giả, quyết chư đông phương, tắc đông lưu, quyết chư tây phương, tắc tây lưu 性猶流水也, 決諸東方, 則東流, 決諸西方, 則西流 : tính như nước chảy, khiến chảy về phương đông, thì chảy về phương đông, khiến chảy về phương tây, thì chảy về phương tây ». Vậy tính không phân thiện hay bất thiện gì cả. (Cáo-tử, thượng).

Mạnh-tử phản-đối những ý-kiến ấy và nói : « Nếu sinh-hoạt ở đời là tính, thì tính con chó cũng như tính con trâu, tính con trâu cũng như tính người hay sao? Nếu ví tính như cây kỷ cây liễu, nhân-nghĩa như cái chén cái thìa, thì có chặt đẽo cây kỷ cây liễu mới làm được cái chén cái thìa, cũng như phải chặt đẽo người ta mới làm được việc nhân việc nghĩa. Như thế chẳng hại cho nhân-nghĩa làm ru? Nếu ví tính như nước, thì tuy nước không phân đông tây, nhưng có phân cao thấp không? Tính người ta làm lành như nước chảy xuống chỗ thấp vậy : người không ai là không thiện, nước không lúc nào là không chảy xuống chỗ thấp. (Nhân tính chi thiện giả, do thủy chi tự hạ giả : nhân vô hữu bất thiện, thủy vô hữu bất hạ 人性之善也, 猶水之就下也 : 人無有不善, 水無有不下). Giả có vẩy lên thì nước có thể té lên quá trán, ngăn lại thì có thể ở trên núi được. Đó là bị cái thế ép, chứ không phải là cái tính của nước. Tính người cũng vậy, có thể khiến làm điều bất thiện được ».

Ông giải rõ cái nghĩa tại sao mà nói là tính thiện: « *Nãi nhược kỳ tính* (1), *tắc khả dĩ vi thiện hỹ*, *nãi sở vi thiện giả*. *Nhược phù vi bất thiện, phi tài chi tội giả* 乃若其情, 則可以爲善矣, 乃所謂善也. 若夫爲不善, 非才之罪也: có theo cái bản-năng của người ta, thì ai cũng có thể làm lành, cho nên mới nói là thiện. Nếu có làm điều bất thiện là không phải cái tội ở cái bản-năng của người ta ». « Người ta ai cũng có lòng trắc-ân, ai cũng có lòng tu-ố, ai cũng có lòng cung-kính, ai cũng có lòng thị-phi. Lòng trắc-ân là nhân, lòng tu-ố là nghĩa, lòng cung-kính là lễ, lòng thị-phi là trí. Nhân nghĩa lễ trí, không phải là ở ngoài mà đúc lên đâu, ta vốn có sẵn cả, chỉ vì không nghĩ đến mà thôi. Cho nên nói rằng: « *Tìm thì thấy, bỏ thì mất* ». Có người hay hơn hoặc dở hơn gấp hai, gấp năm, gấp số không kể được, đều là vì không biết dùng hết cái bản-năng của mình vậy. Năm được mùa, thì con em làm điều hay, năm mất mùa thì con em làm điều bậy. Đó không phải Trời phú cho cái bản-năng khác nhau như thế, chỉ tại ta để cái tâm của ta hăm đắm vào vật-dục, cho nên mới hờn ra thế. Xem như gieo hạt lúa xuống đất rồi bón xới vào, hạt lúa cũng ở một chỗ, cùng gieo một lúc, mọc lên ngùn-ngụt, đến ngày hạ-chí, đông chí, đều chín cả. Nếu có hạt tốt hạt xấu là tại màu đất, mưa-móc và công-việc người ta làm không đều. Phàm vật đồng loại, thì giống như nhau cả, sao đến người thì lại ngờ là không giống. Bậc thánh-nhân với ta cũng là đồng một loại như nhau. Bởi vậy Long-tử nói: không trông thấy chân người ta mà làm giày, thì biết là không làm cái sọt. Giày mà giống nhau, là vì chân người ta ai cũng thế cả.

« Miệng đối với vị ngon đều giống nhau, người sành ăn như Dịch Nha là người biết trước cái thích của miệng ta,

(1) Trong sách Mạnh-tử thường dùng chữ *tính* với chữ *tài* đồng một nghĩa. Chữ *tính* ở đây cũng nghĩa như chữ *tài*.

Nếu khiến cái miệng của Dịch Nha đối với vị ngon mà lại không giống như mọi người, tựa như giống chó giống ngựa, không đồng loại với ta, thì sao đối với vị ngon thiên-hạ lại theo cái sành ăn của Dịch Nha? Đối với vị ngon mà thiên-hạ theo Dịch Nha là vì cái miệng thiên-hạ thích vị ngon ai cũng như ai. Cái tai nghe cũng vậy. Như tiếng âm-nhạc thì ai cũng theo người giỏi đàn như Sư Khoáng. Vì rằng cái tai người ta ai cũng như ai. Cái mắt trông cũng vậy. Đẹp như Tử-Đò thì thiên-hạ ai cũng chẳng biết là đẹp. Người mà không biết Tử-Đò là đẹp là người không có mắt. Bởi vậy cho nên nói: miệng đối với vị ngon thì đều thích như nhau, ta đối với tiếng đàn hay thì đều nghe như nhau, mắt đối với sắc đẹp thì đều trông thấy như nhau. Thế mà có một tâm lại không giống nhau là có sao? Những cái mà tâm của người đều thích như nhau là những cái gì? Là cái lý, cái nghĩa. Thánh-nhân là bậc đã tìm được trước ta những cái mà tâm của ta đều thích. Cho nên lý và nghĩa làm cho thích cái tâm của ta, cũng như thịt giống thú ăn cỏ, ăn cám, làm cho thích miệng ta vậy.

« Xưa kia những cây ở trên núi Ngưu-sơn thường rườm-rã rất đẹp. Vì núi ấy ở vào cõi một nước lớn, riu-búa chặt mãi đi, thế thì những cây ấy có đẹp được nữa không? Những cây ấy đã bị chặt rồi, ngày đêm nghĩ-ngợi mưa-móc tưới vào, lại đâm chồi ra. Song trâu dê lại đến phá-hại, cho nên núi ấy mới trụi đi như ngày nay. Người ta thấy núi ấy trụi cả cây, bảo là núi ấy không mọc cây được. Há có phải là cái tính của núi như thế hay sao?

« Người ta dẫu thế nào mà lại không còn có cái bụng nhân-nghĩa. Người nào để bỏ mất cái lương-tâm thì cũng như lấy riu-búa mà chặt cây vậy. Cứ ngày ngày chặt phá đi thì cây còn đẹp thế nào được nữa. Cái lương-tâm của người ta ví như mầm cây, ngày đêm nghĩ-ngợi và lại có

cái khí yên-lặng buổi sáng thì lòng hiếu ố của mình cũng hơi gần như của mọi người. Song những việc làm trong ban ngày lại làm hư-hồng đi, rồi cứ hồng đi hồng lại mãi, thì cái khí ban đêm không đủ mà giữ cho còn lại được. Đến khi cái khí ban đêm không giữ còn lại được nữa, thì người với cầm - thú có xa gì. Người ta thấy giống như cầm-thú thì cho là không có cái bản-năng gì. Há có phải là bản-tính của người ta như thế hay sao ?

Cho nên, nếu được cái nuôi, thì không có vật gì là không lớn lên; nếu mất cái nuôi, thì không có vật gì là không mất đi. Khổng-tử nói: « *Thao tắc tồn, xả tắc vong, xuất nhập vô thời, mạc tri kỳ hướng* 操則存, 舍則亡, 出入無時, 莫知其鄉: giữ lấy thì còn, bỏ đi thì mất, ra vào không có thời, không biết ở nhất-định chỗ nào ». Đó là ngài nói cái lương-tâm của người ta vậy » (*Cáo-tử, thượng*).

Nói rút lại là Mạnh-tử cho cái tính của Trời phú cho người ta là thiện. Nếu có thành ra bất thiện là vì người ta không biết giữ lấy cái bản-tâm, chứ cái nguồn-gốc của tính là không thể không thiện được. Ông nói: « *Nhân-giới hữu bất nhẫn nhân chi tâm* 人皆有不忍人之心: người ta ai cũng có lòng thương người... Giá bất-thình-lih người ta trông thấy đứa trẻ sắp rơi xuống giếng, thì ai cũng có lòng bồn-chồn thương-xót. Bồn-chồn thương-xót không phải là vì trong bụng có ý muốn cầu thân với cha mẹ đứa trẻ ấy, không phải là vì muốn cho người làng xóm bè-bạn khen, không phải là sợ người ta chê cười. Xem như thế, thì ai không có lòng trắc-ân không phải là người; ai không có lòng tu-ố không phải là người; ai không có lòng từ-nhượng không phải là người; ai không có lòng thị-phỉ không phải là người. Lòng trắc-ân là cái mối của nhân, lòng tu-ố là cái mối của nghĩa, lòng từ-nhượng là cái mối của lễ, lòng thị-phỉ là cái mối của trí.

Người ta có bốn mối ấy như có tứ thể vậy. Có bốn mối ấy mà tự bảo không sửa mình được là tự mình hại mình vậy. Đã có bốn mối ấy ở trong mình mình, mà biết mở rộng ra cho thông, thì như lửa mới bắt đầu cháy, như suối mới bắt đầu chảy ». (*Công-tôn Sửu, thượng*).

Đã nói ở trên rằng Mạnh-tử nói tính thiện là nói cái bản-nguyên tinh-thần, tức là cái thiên-lý của Trời phú cho, chứ không phải là nói cái tính gồm cả tính - dục của người ta.

Những nhà tâm-lý-học nay xét cái tính của khí-chất, cho nên mới nói cái tính của người ta có sẵn cả thiện đoan và ác đoan. Thiện đoan là lòng vị-tha bác-ái, lòng yêu sự hay, sự đẹp và sự thực; ác đoan là lòng vị-kỷ, lòng thị-dục v. v. Theo cái học ngày nay thì người thiện hay ác là tùy cái giáo-dục, cái tập-quán và cái hoàn-cảnh làm cho thiện đoan phát-triển ra, hay là ác đoan bành-trướng lên.

Cùng một chữ tính, song chữ tính của ta dùng có nghĩa khác. Nếu xét không kỹ thì ta không hiểu rõ cái thuyết của Mạnh-tử.

Mạnh-tử sở dĩ nói tính thiện là vì tin có cái thiên-lý chí thiện, mà tính người ta là một phần thiên-lý ấy, tất là phải thiện. Sự giáo-dục phải lấy cái thiện căn ấy làm căn-bản, rồi giữ cho nó không mờ-tối đi và trau-dồi cho nó phát-triển ra mà thành người lành người tốt. Nếu nói rằng người có tính ác, hay là không thiện không ác, thì không hợp với cái thuyết thiên-lý chí thiện, và về đường giáo-dục tất phải dùng cái sức mạnh ở ngoài mà ép người ta làm điều lành bỏ điều ác, như thế lại thành ra một lối giáo-dục khô-khắc, không tự-nhiên nữa. Thiết-tưởng đó là toàn-thể học-thuyết của Mạnh-tử căn-cứ ở tính thiện của Trời phú cho người ta.

Tâm. Mạnh-tử cho tính là bản-nguyên của Trời phú cho tức là thiên-lý chí linh chí diệu. Bởi cái lý-

tướng ấy mà ông lập ra cái tâm-học triết-lý rất cao. Ông cho là người có tính ấy, tất là có tâm ấy. Tâm với tính là một vậy. Tâm là phần chủ-tể trong người ta. Hễ hiểu rõ cái tâm, thì ta biết rõ cái tính, biết rõ cái tính, thì biết rõ trời đất và vạn-vật, tức là cách vật tri tri đó vậy. Ông nói rằng: « *Tận kỳ tâm giả, tri kỳ tính giả. Tri kỳ tính tắc tri thiên hĩ. Tồn kỳ tâm, dưỡng kỳ tính, sở dĩ sự thiên giả. Yếu thọ bất nhị, tu thân dĩ sĩ chi, sở dĩ lập mệnh giả* 盡其心者, 知其性也. 知其性, 則知天矣. 存其心, 養其性, 所以事天也. 致壽不夭, 修身以俟之, 所以立命也. biết hết cái tâm của mình là biết cái tính của mình vậy. Biết cái tính của mình là biết trời vậy. Giữ cho còn cái tâm của mình, nuôi cái tâm của mình, là để thờ Trời vậy. Yếu-thọ không thay-đổi, sửa mình mà đợi là để lập mệnh vậy ». (*Tận-tâm, thượng*).

Tâm là cái thần-minh có đủ mọi lý để ứng với vạn sự, tính là cái lý hoàn-toàn của tâm, Trời là nguồn-gốc của tính ấy. Người ta có tâm ấy mà hiểu hết được cái toàn-thể của nó, đừng để cái tư-ý che lấp mất, thì ta biết rõ cái tính, biết rõ cái tính là biết rõ Trời vậy. Biết rõ tính là biết nhân và lễ là cái đức « nguyên » và đức « hanh » của Trời, nghĩa với tri là cái đức « lợi » và đức « trinh » của Trời. Biết rõ bốn đức ấy là đạt được cái diệu-dụng của Trời.

Tâm là cái thần-minh của Trời, Trời cho ta cái tâm ấy để làm tâm, thì tâm của ta với Trời là một thể. Đó thực là cái đạo nhất-quán của Khổng-tử.

Biết cái tâm của ta là Trời, giữ cái tâm cho ngay-chính, nuôi cái tính cho hoàn-toàn sáng-suốt, nhất động nhất tĩnh đều thuận cái thiên-lý tự-nhiên. Ấy là sự chân-thực thờ Trời vậy.

Ta đã biết tính, biết Trời, thì ta chỉ chuyên nhất ở sự nuôi tính và sự sửa mình cho toàn cái của Trời đã phú cho ta, rồi cứ an vui mà đợi mệnh Trời, chứ không lấy

sự thọ - yếu mà hại cái bản-nguyên chí thiện. Ấy là cách lập mệnh.

Lập mệnh là lập theo cái chính-mệnh, chứ không phải làm cần làm bậy mà gọi là lập mệnh. Mạnh-tử nói: « Ở trong thiên-hạ không có việc gì là không có mệnh Trời, ta thuận mà theo cái chính. Người biết theo mệnh là người không đứng dưới cái tường sắp đổ, nhưng cố sức làm cho hết đạo mà chết, thế là chính-mệnh. Người làm điều gian-ác để đến nỗi gông-cùm mà chết không phải là chính-mệnh ». Học để giữ lấy cái tâm nuôi lấy cái tính, biết rõ lẽ trời mà theo cái chính - mệnh của mình, ấy là cái tính - thần của Nho - giáo.

Bởi cái học duy-tâm ấy, cho nên Mạnh-tử rất chú-trọng sự tồn tâm, tồn tính, dưỡng khí và tri chí.

Tồn-tâm. Người ta sở-chủ có cái tâm. Vạn sự hay dở đều do cái tâm của ta. Vậy nên sự học của quân-tử cần phải tồn tâm; nghĩa là giữ cho còn cái bản-tâm hư-linh của mình. « *Quân-tử sở dĩ dĩ ư nhân giả, dĩ kỳ tồn tâm giả. Quân-tử dĩ nhân tồn tâm, dĩ lễ tồn tâm* 君子所以異於人者, 以其存心也. 君子以仁存心, 以禮存心: quân-tử sở dĩ khác người ta là chỉ có sự giữ cho còn cái tâm mà thôi. Quân-tử lấy nhân mà giữ cho còn cái tâm, lấy lễ mà giữ cho còn cái tâm ». (*Ly-Lâu, hạ*). Giữ lấy cái tâm rồi nuôi nó lên cho càng ngày càng sáng - suốt. Muốn nuôi cái tâm thì không gì bằng quả dục: « *Dưỡng tâm mạc thiện ư quả dục. Kỳ vi nhân giả quả dục, tuy hữu bất tồn yền giả, quả kỹ. Kỳ vi nhân giả đa dục, tuy hữu tồn yền giả, quả kỹ* 養心莫善於寡欲. 其爲人也寡欲, 雖有不存焉者, 寡矣. 其爲人也多欲, 雖有存焉者, 寡矣: nuôi cái tâm thì không gì hay hơn quả dục. Làm người mà quả dục thì tuy có người không giữ được cái tâm, nhưng ít lắm. Làm người mà đa dục, thì tuy có người giữ được cái tâm, nhưng cũng ít lắm » (*Tận-tâm, hạ*).

Cái tâm của Mạnh - tử nói đây là cái lương-tâm của người ta. Có lương-tâm thì mới biết điều nhân điều nghĩa,

lẽ phải lẽ trái. Có lương-tâm là có lương-năng và lương-trí, tức là cái giỏi cái biết rất tự-nhiên, rất mẫn-tiếp. « Nhân chi sở bất học nhi năng giả, kỳ lương năng giả; sở bất lý nhi trí giả, kỳ lương trí giả 人之所不學而能者, 其良能也; 所不慮而知者, 其良知也: người không học mà giỏi là lương-năng; không suy-nghĩ mà biết là lương-trí ». Hãy xem như đứa trẻ-con nằm trên tay, không đứa nào là không biết yêu cha mẹ nó. Đến lúc lớn lên, không đứa nào là không biết kính anh nó. Thân-yêu cha mẹ là nhân, kính-trọng kẻ huynh-trưởng là nghĩa. Khắp trong thiên-hạ đâu đâu cũng thế. Vậy nhân-nghĩa là vốn có sẵn trong lương-tâm của người ta. Chỉ vì ta đắm-đuối vào vật-dục, cho nên cái lương-tâm mới mờ-tối đi, thành thử ta bỏ mất nhân-nghĩa. Bởi thế cho nên người quân-tử lấy sự giữ cái tâm hồn-nhiên thuận-hậu như cái tâm của đứa trẻ con làm qui. « Đại nhân giả, bất thất kỳ xích tử chi tâm giả 大人者, 不失其赤子之心者也: bậc đại-nhân không bỏ mất cái tâm hồn-nhiên của đứa con đỏ ». (Ly-Lâu, hạ).

Theo lý-thuyết ấy thì sự học-vấn cần nhất là phải tìm lấy cái tâm của mình đã đề sỏ ra mất. Người ta để con gà, con chó sỏ ra thì biết đi tìm về, lẽ nào mình để cái tâm của mình sỏ ra mà không tìm hay sao? Bởi vậy Mạnh-tử nói: « Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ hỹ 學問之道無他, 求其放心而已矣: cái đạo học-vấn không có điều gì khác, chỉ có tìm cái tâm đã sỏ ra mà thôi » (Cáo-tử, thượng). Sự « cầu kỳ phóng tâm » của Mạnh-tử cũng như sự « tịch-nhiên bất động, cảm nhi toại thông thiên - hạ chi cố » của Khổng-tử, đều theo một lý - tưởng, chủ lấy sự giữ cái bản-nguyên cho hoàn-toàn để có cái minh-giác linh diệu mà ứng với vạn sự cho hợp đạo trung.

Đạo nhất nhi dĩ hỹ. Mạnh-tử đề cho cái tâm là một, thì dầu thánh - nhân với người thường cũng không khác nhau. Có người bảo ông rằng: « Vua nước Tề sai người đi dò xem quả thật ông có điều gì khác hơn người không.

Ông nói rằng: « Hà dĩ dị ư nhân tại, Nghiêu Thuấn dữ nhân đồng nhĩ 何以異於人哉, 堯舜與人同耳: ta có gì khác người đâu, vua Nghiêu vua Thuấn cũng giống như mọi người vậy ». (Ly-Lâu, hạ). Dầu vua Nghiêu vua Thuấn là bậc thánh-nhân, nhưng cùng bẩm-thụ một lý, một khí, tức là cùng đồng một tâm như mọi người cả, chỉ có một điều là những bậc ấy giữ được cái bản-tính tinh-thần và cái khí hậu-nhiên mà thôi. Vậy, nếu ai cũng giữ được như thế, thì chắc là chẳng khác gì những bậc ấy. Cái thuyết ấy có thể khiến người ta lúc nào cũng nghĩ đến cái bản-thể hoàn-toàn của mình, làm cho ai cũng có lòng tự tin rằng mình có thể hay hơn tốt hơn được. Người ta đã có cái lòng tự tin ấy, thì rồi cái phần sáng suốt ngay-chính càng ngày càng phát-triển ra, mà cái phần mờ-tối tà-khúc dần dần biến-cải đi. Thật là một lối giáo-hóa có cái chủ-nghĩa lạc-quan, khuyến-miến mọi người ai cũng cố sức cho thành người hoàn-toàn.

Mạnh-tử tin rằng người hiền kẻ ngu chỉ khác nhau có một điều là giữ được cái tâm hay không mà thôi. Người ta sỏ dĩ không làm được điều nhân-nghĩa như bậc thánh-hiền là vì ta để vật-dục làm hại mất cái tâm. « Người đói thì ăn gì cũng ngon, người khát thì uống gì cũng ngon, như thế chưa phải là biết rõ cái thực ngon của sự ăn-uống, vì sự đói sự khát làm hại vậy. Có phải là sự đói sự khát chỉ làm hại cái miệng cái bụng mà thôi đâu, nó làm hại đến cả cái tâm nữa. Nếu người nào không để cho cái hại của sự đói sự khát làm hại được cái tâm, thì dầu không kịp người cũng không lấy làm lo ». (Tận-tâm, thượng).

Cái tâm đã là một thì cái đạo cũng là một. Cho nên mới nói: « Phù đạo nhất nhi dĩ hỹ 夫道一而已矣: đạo có một mà thôi ». Đạo có một, thì ai cũng có đạo-lý ở trong tâm cả. Nếu ai cũng biết như thế, rồi cứ theo thiên-lý mà tu-dưỡng, mà hành-dộng, thì không ai hơn ai cả. Ông đem những lời của các hiền-giả đời trước để làm